

TRƯỜNG TH DƯ HÀNG KÊNH

Họ và tên:Lớp:.....

SBD:..... Phòng thi.....Số phách

Điểm

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II. NĂM HỌC 2023 - 2024

MÔN: TIẾNG VIỆT - LỚP 3

(Thời gian: 70 phút)

PHẦN I: Kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (4 điểm)

II. Đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt (6 điểm)

Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi:

1 Đọc bài viết dưới đây, trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

CÔ GIÁO VÀ HAI EM NHỎ

Nét sinh ra đã bất hạnh với bàn chân trái thiếu ba ngón. Càng lớn, đôi chân Nét lại càng teo đi và rồi Nét phải bò khi muốn di chuyển.

Khi em Na vào lớp Một, ở nhà một mình Nét buồn lắm, chỉ mong Na chóng tan trường về kể chuyện ở trường cho Nét nghe. Na kể rất nhiều về cô giáo: tà áo dài của cô trắng muốt, miệng cô cười tươi như hoa, cô đi nhẹ nhàng đến bên từng học sinh dạy các bạn viết, vẽ... Nghe Na kể, Nét ước mơ được đi học như Na.

Trong một tiết học vẽ, cô giáo cầm vở vẽ của Na. Na vẽ một cô gái đang cầm đôi đũa nhỏ đứng bên một cô gái. Na giải thích: “Em vẽ một cô tiên đang gõ đôi đũa thần chữa đôi chân cho chị em, để chị em cũng được đi học”. Cô giáo ngạc nhiên khi biết chị gái Na bị tật nguyên. Tối hôm ấy, cô đến thăm Nét. Biết Nét ham học, mỗi tuần ba buổi tối, cô dạy Nét học.

Còn một tháng nữa là kết thúc năm học. Mấy hôm nay, cô giáo thường kể cho 35 học trò của mình về một bạn nhỏ. Đôi chân bạn ấy không may bị tê liệt nên bạn phải ngồi xe lăn nhưng bạn vẫn quyết tâm học. Có lúc đau tê cứng cả lưng nhưng bạn vẫn cố viết và viết rất đẹp. Năm học sau, bạn ấy sẽ vào học cùng các em. Nghe cô kể, mắt Na sáng lên, Na vui và tự hào về chị mình lắm.

Bố mẹ Nét rơm rớm nước mắt khi biết nhà trường sẽ đặc cách cho Nét vào học lớp Hai. Còn Nét, cô bé đang hình dung cách cô giáo cùng các bạn nhỏ xúm xít đầy chiếc xe lăn.

Theo Tâm huyết nhà giáo

Câu 1: Nét là một cô bé như thế nào ?

- A. Thích chơi hơn thích học.
- B. Thương chị.
- C. Yêu mến cô giáo.
- D. Có hoàn cảnh bất hạnh.

Câu 2: Hoàn cảnh của bạn Nét có gì đặc biệt ?

- A. Bị tật bẩm sinh và càng lớn đôi chân càng teo đi.
- B. Gia đình Nét khó khăn không cho bạn đến trường.

- C. Nết mồ côi cha mẹ từ nhỏ.
- D. Nết học yếu nên không thích đến trường.

Câu 3: Vì sao cô giáo lại biết được hoàn cảnh của Nết mà giúp đỡ bạn ?

- A. Vì cô gặp Nết đang ngồi xe lăn trên đường đi dạy về.
- B. Vì Na đã kể cho cô nghe về hoàn cảnh của chị mình.
- C. Vì ba mẹ đến trường kể cho cô nghe và xin cho Nết đi học.
- D. Vì cô đọc được hoàn cảnh của Nết trên báo.

Câu 4: Cô giáo đã làm gì để giúp Nết ?

- A. Mua cho bạn một chiếc xe lăn.
- B. Cho Nết sách vở để đến lớp cùng bạn.
- C. Đến nhà dạy học, kể cho học trò nghe về Nết, xin cho Nết vào học lớp Hai
- D. Nhờ học sinh trong lớp kèm cặp cho Nết việc học ở nhà cũng như ở trường.

Câu 5: Qua câu chuyện, em đã học tập được điều gì?

.....

.....

Câu 6: Thành phần được in đậm trong câu trả lời cho câu hỏi nào?

“**Năm học sau**, bạn ấy sẽ vào học cùng các em.”

- A. Khi nào?
- B. Ở đâu?
- C. Bằng gì?
- D. Thế nào?

Câu 7: Dấu câu nào phù hợp điền vào chỗ trống trong câu:

“Nết chăm học lắm ☐”

- A. Dấu chấm
- B. Dấu hai chấm
- C. Dấu chấm than
- D. Dấu phẩy

Câu 8: Dòng nào có từ không cùng nhóm với từ còn lại:

- A. Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, non sông
- B. Mưa, nắng, bão, lũ
- C. Mênh mông, uốn lượn, trắng xóa, gập ghềnh
- D. Lễ hội Đền Hùng, Lễ hội Hoa phượng đỏ, Lễ hội Đua ghe ngo, Lễ hội Chọi trâu

Câu 9: Từ nào có nghĩa trái ngược với từ “gập ghềnh”?

- A. Quan co
- B. Khúc khuỷu
- C. Gò ghề
- D. Bằng phẳng

Câu 10: Em hãy viết một câu có hình ảnh so sánh

.....

.....

PHẦN II: Kiểm tra viết (10 điểm)

I. Chính tả (4 điểm)

Cây bàng

Có những cây mùa nào cũng đẹp, như cây bàng. Mùa xuân, lá bàng mới nảy trông như những ngọn lửa xanh. Sang hè, lá lên thật dày, ánh sáng xuyên qua chỉ còn là màu ngọc bích. Khi lá bàng ngả sang màu lục, ấy là mùa thu. Sang đến những ngày cuối đông, mùa của lá rụng, tán lá lại đỏ như đồng.

II. Tập làm văn (6 điểm)

Em hãy viết đoạn văn về ước mơ của em. (Từ 5 câu trở lên)

ĐÁP ÁN

Phần I. Đọc – hiểu

Câu 1: D - 0,5 đ

Câu 2: A - 0,5 đ

Câu 3: B - 0,5 đ

Câu 4: C - 0,5 đ

Câu 5: HS có thể trả lời khác nhưng đúng nội dung bài học.

- Vượt khó khăn để thực hiện ước mơ của mình.
- Giúp đỡ, cảm thông người có hoàn cảnh khó khăn.

...

Câu 6: A

Câu 7: C

Câu 8: A

Câu 9: D

Câu 10: Học sinh viết được một câu có hình ảnh so sánh.

Phần II: Chính tả + tập làm văn:

1. Chính tả: (4 điểm)

- Tốc độ đạt yêu cầu : 1 điểm
- Chữ viết rõ ràng, viết đúng chữ, cỡ chữ, viết sạch đẹp: 1 điểm
- Mỗi lỗi sai trừ 0,25 điểm

2. Tập làm văn: (6 điểm)

- HS viết được đoạn văn từ 5 – 7 câu có đầy đủ các ý theo yêu cầu nêu trong đề bài: 3 điểm
- Viết đúng chính tả : 1 điểm
- Dùng từ, đặt câu đúng: 1 điểm
- Bài viết có sáng tạo: 1 điểm

Lưu ý: Viết quá số câu không trừ điểm.